TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 665/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 397, 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 58 và 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 788/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2026, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, giữa các đương sự:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1999;

Địa chỉ: 3 B, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Đăng Phương T1, sinh năm 2001;

Địa chỉ: 874/14/9 Đ, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13/8/2026, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 104, do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận D (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2024).

[2] Về con chung: Ông T và bà T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 104, do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận D (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2024).

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông T và bà T1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí việc hôn nhân gia đình: Ông T tự nguyện nhận nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 104, do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận D (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2024).

- Về con chung: Ông T và bà T1 xác nhận, trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Anh T2, sinh ngày 01/11/2024. Các đương sự thỏa thuận: Giao con chung cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (bằng chữ: Ba triệu đồng), thực hiện vào ngày 30 (dương lịch) mỗi tháng, bắt đầu từ ngày 30/9/2026 cho đến khi con chung thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông T và bà T1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông T nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013066 ngày 03/9/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 1 –TP. HCM;
- Đương sự;
- Phòng THADS Khu vực 1- TP. HCM;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP; Hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Trần Thanh Bình

TAND KHU VỰC 1
MTE230926.TL.QDBA
27736